TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày 17/03/2022
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thảo Nguyên;

Bà Trần Thị Thanh Hà.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Đình Vương Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022, về việc:*"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Hữu M; nơi ĐKHKTT: thôn Huỳnh Xá H, xã Vĩnh S, huyện V, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Th; nơi ĐKHKTT và địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn Lê X, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/11/2021, nguyên đơn anh Trần Hữu M trình bày:

Anh Trần Hữu M kết hôn cùng với chị Trần Thị Th vào ngày 28/3/2019, tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh S, huyện V, tỉnh Quảng Trị trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng sống chung được 02 tháng thì đến tháng 5/2019 chị Th bỏ nhà vào thành phố Hồ Chí Minh làm việc và sau đó đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Anh M có liên lạc với chị Th thì chị Th bảo Anh M nộp đơn ly hôn, chị Th đồng ý ly hôn. Anh M cho rằng do vợ chồng mới chung sống được một thời gian ngắn, phát sinh mâu thuẫn không thể dung hòa được, nay tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không hàn gắn được, hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, anh Trần Hữu M xin được ly hôn đối với chị Trần Thị Th.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về thông tin xuất cảnh của chị Trần Thị Th: Theo xác nhận của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Trị cho biết chị Trần Thị Th xuất cảnh ra nước ngoài lần gần nhất là ngày 28/8/2020 qua Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án phải tống đạt các văn bản tố tụng cho chị Trần Thị Th thông qua người thân của chị Th là ông Trần Hữu C và bà Nguyễn Thị B (là bố mẹ đẻ của chị Th); hiện trú tại: thôn Lê X, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị.

Tại biên bản làm việc ngày 18/01/2022, ông Trần Hữu C và bà Nguyễn Thị B (là bố mẹ đẻ của chị Th) trình bày ý kiến:

Chị Trần Thị Th là con đẻ của ông Trần Hữu C và bà Nguyễn Thị B, có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh là ở tại thôn Lê X, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Hiện tại chị Th đang lao động tại Nhật Bản; mặc dù chị Th thường xuyên liên lạc với gia đình thông mạng xã hội và điện thoại nhưng ông Cvà bà B không biết và không được chị Th cung cấp địa chỉ nơi sinh sống và làm việc tại Nhật Bản.

Trong quá trình giải quyết vụ án, gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị Th biết việc Anh M có đơn xin ly hôn và TAND tỉnh Quảng Trị đang thụ lý giải quyết vụ việc. Thông qua liên lạc điện thoại, chị Th đồng ý nội dung đơn ly hôn của Anh M. Do tình hình dịch bệnh Covid-19 phức tạp, chị Th không về Việt Nam giải quyết ly hôn được, chị Th đồng ý ly hôn đối với Anh M và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị Th theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị trình bày ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên vi phạm quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hữu M được ly hôn với chị Trần Thị Th.

- Về án phí: Anh Trần Hữu M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngày 11/11/2021, anh Trần Hữu M có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với chị Trần Thị Th; tại thời điểm Anh M xin ly hôn thì chị Th đã xuất cảnh, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Trước và sau khi thụ lý vụ án, Anh M và người thân của chị Th không cung cấp được địa chỉ nơi sinh sống, làm việc ở nước ngoài của chị Th. Tuy nhiên, chị Th vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình thông qua điện thoại và mạng xã hội. Chị Th đã được người thân thông tin về việc Anh M khởi kiện xin ly hôn và vụ việc đang do TAND tỉnh Quảng Trị giải quyết nhưng vẫn không có ý kiến bằng văn bản, không cung cấp địa chỉ nơi làm việc, cư trú nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của TAND tối cao về việc: *"Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ"* để giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Trần Thị Th vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được; Tòa án đã tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng phiên tòa ngày 28/02/2022 chị Th vắng mặt lần thứ nhất mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định lại phiên tòa được xét xử lại vào ngày 17/03/2022 (theo đúng kế hoạch giải quyết vụ án đã thông báo trước cho chị Th). Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập chị Th đến phiên tòa ngày 17/03/2022 thông qua người thân là bố, mẹ đẻ của chị Th. Ngày 28/01/2022, anh Trần Hữu M có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị Th vẫn vắng mặt không có lý do, Anh M có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn anh Trần Hữu M và bị đơn chị Trần Thị Th.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Trần Hữu M và chị Trần Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 28/03/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa Anh M và chị Th là hợp pháp. Nay anh Trần Hữu M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho Anh M được ly hôn với chị Trần Thị Th, do đó Tòa án căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS để xem xét giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Hữu M, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, Anh M và chị Th chỉ mới chung sống được 02 tháng thì chị Th bỏ nhà để vào thành phố Hồ Chí Minh và sau đó đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Do đời sống chung của vợ chồng chưa lâu, mỗi người ở mỗi nơi, không quan tâm, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Th đã biết thông tin Anh M xin ly hôn nhưng không có ý kiến bằng văn bản, không cung cấp địa chỉ nơi cư trú, làm việc chứng tỏ chị Th cũng không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó, cần căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hữu M để xem xét cho Anh M được ly hôn đối với chị Trần Thị Th.

[3]. Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Trần Hữu M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Hữu M, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hữu M được ly hôn với chị Trần Thị Th.

2. Về án phí: Anh Trần Hữu M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số CC/2021/0000036 ngày 04/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị (Anh M đã nộp đủ án phí).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Trần Hữu M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, bị đơn chị Trần Thị Th có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Vĩnh S;
- Tổ HCTP;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Việt Trung